

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐIỆN BÁN DẪN CELL VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ ĐIỆN BÁN DẪN CELL VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: CELL VIET NAM TECHNOLOGY ELECTRICAL SEMICONDUCTOR COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CELL VINA CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107738720

**3. Ngày thành lập:** 28/02/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Phù Yên, Xã Trường Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0947622555

Fax:

Email: [hungvnn.net83@gmail.com](mailto:hungvnn.net83@gmail.com)

Website: [cell.com.vn](http://cell.com.vn)

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                    | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                   | 2610(Chính) |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                 | 2220        |
| 3.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                 | 2592        |
| 4.  | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                            | 2740        |
| 5.  | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động                                                                                 | 2814        |
| 6.  | Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung                                                                                                                       | 2815        |
| 7.  | Sản xuất máy thông dụng khác                                                                                                                                 | 2819        |
| 8.  | Phá dỡ                                                                                                                                                       | 4311        |
| 9.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                            | 4312        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                               | 4329        |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                               | 4330        |
| 12. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                        | 4100        |
| 13. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                    | 4210        |
| 14. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                   | 4290        |
| 15. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                       | 7710        |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>chi tiết: xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (loại nhà nước cho phép) | 8299        |

|     |                                                                                                                                    |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 17. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)<br>Bán buôn xe có động cơ khác  | 4511                                                         |
| 18. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                | 4390                                                         |
| 19. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                 | 4652                                                         |
| 20. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                | 4662                                                         |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                            | 4663                                                         |
| 22. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                               | 4752                                                         |
| 23. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                        | 5210                                                         |
| 24. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                | 7730                                                         |
| 25. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                    | 4659                                                         |
| 26. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                | 4931                                                         |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                   | 4932                                                         |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                     | 4933                                                         |
| 29. | (đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 6.800.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: NGUYỄN THÀNH HƯNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/04/1983 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 111769242

Ngày cấp: 13/12/2011 Nơi cấp: Công an Tp Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, Xã Quảng Bị, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P1502 nhà 19T6 chung cư Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THÀNH HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch công ty kiêm giám đốc*

Sinh ngày: 13/04/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 111769242

Ngày cấp: 13/12/2011

Nơi cấp: Công an Tp Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn 1, Xã Quảng Bị, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *P1502 nhà 19T6 chung cư Kiến Hưng, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội